TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2022/TLST-HN&GĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Dương Gia B, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ 9, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tr và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh; sau khi đi đến hôn nhân thì cuộc sống hôn nhân của chị Tr và anh B rất hạnh phúc; tuy nhiên vào khoảng đầu năm 2020 thì tình cảm vơ chồng không còn được đầm ấm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột bất đồng quan điểm; đã nhiều lần chị Tr và anh B cùng ngồi lại để giải quyết mọi vấn đề, để hiểu nhau và cố gắng nhường nhịn nhau, thay đổi cách sống và cách suy nghĩ về nhau để mong mục đích hôn nhân được tốt đẹp hơn nhưng cuối cùng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng; chị Tr và anh B không còn quan hệ vợ chồng, do anh B vi phạm pháp luật và bị bắt đi chấp hành án phạt

tù tại Trại giam, chị Tr xác định không còn tình cảm với anh B và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Tr ly hôn anh B.

Về con chung: Chị Tr và anh B có với nhau 02 con chung tên Dương Tấn Đ, sinh năm 2015 và Dương Tấn V, sinh năm 2018; chị Tr và anh B sẽ tự giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh B và chị Tr kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn thì anh B và chị Tr sống chung tại tổ 9, khu phố 9, thị trấn ĐT (nhà cha mẹ ruột của anh B); cuộc sống hôn nhân ban đầu thì hạnh phúc, nhưng về sau này thì hay cải nhau, đỉnh điểm của mâu thuẫn giữa anh B và chị Tr là vào năm 2020, do anh chị không cùng quan điểm sống, từ lúc anh B bị bắt cho đến nay thì quan hệ vợ chồng chấm dứt, chị Tr về lại nhà cha mẹ ruột ở VX để sinh sống; nay chị Tr kiên quyết xin ly hôn thì anh B đồng ý ly hôn chị Tr.

Về con chung: Anh B và chị Tr có với nhau 02 con chung tên Dương Tấn Định, sinh năm 2015 và Dương Tấn Vinh, sinh năm 2018; theo đơn khởi kiện chị Tr không tranh chấp nuôi con, do đó anh B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Ngoài ra, anh B đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết vụ án ly hôn giữa anh B và chị Tr.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ Tr ly hôn anh Dương Gia B.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ Tr khởi kiện ly hôn với bị đơn Dương Gia B; bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm, nhưng bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cư trú tại khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận và đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết ly hôn với nguyên đơn.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn có xác nhận Trại giam Huy Khiêm).

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 35, đăng ký ngày 06/3/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định chị Tr và anh B tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh B được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật B vệ.

Chị Tr và anh B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị Tr và anh B do giữa anh chị bất đồng về quan điểm sống; hiện tại anh B đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm nên quan hệ vợ chồng thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị Tr kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh B và anh B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh B đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh B.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Tr và anh B về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Tr.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ Tr ly hôn anh Dương Gia B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015, đăng ký ngày 06/3/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giữa chị Nguyễn Thị Mỹ Tr và anh Dương Gia B hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Mỹ Tr và anh Dương Gia B về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ Tr phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0012320 ngày 06/7/2022. Chị Nguyễn Thị Mỹ Tr đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. VX, TT. ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận